

Đ, ngày 19 tháng 12 năm 2022

Số: 821/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 511/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa:

*** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Doãn T**, sinh năm: 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

*** Bị đơn: Chị Đỗ Thị Á**, sinh năm: 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Á: Luật sư Nguyễn Thị Minh N, Hoàng Thanh H và Nguyễn Thị X - Văn phòng Luật sư X – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về các vấn đề đã thoả thuận, thống nhất.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Doãn T và chị Đỗ Thị Á.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung** Anh T và chị Á có 02 con chung là Nguyễn Doãn N, sinh năm 2000 và Nguyễn Doãn B, sinh năm 2003. Cả hai con chung đều đã đủ tuổi thành niên. Anh chị đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Á tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng đã nộp tại Tòa án. Anh T và chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, mỗi người phải chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để anh Nguyễn Doãn T chịu toàn bộ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046814 ngày 02/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh T được nhận lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Á được nhận lại số tiền 34.040.000 (Ba mươi tư triệu, không trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047053 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã T;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Huyền